

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST

Ngày 18 tháng 11 năm 2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và ông Phạm Xuân Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao, Thư ký tòa án Tòa án nhân dân thành phố V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hèn, Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 36/2019/TLST- KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng H; địa chỉ: Tòa nhà N04-Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Hoàng H - Giám đốc phụ trách Ngân hàng H, chi nhánh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu 1, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1975; trú tại: Khu 1, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (đã chết năm 2016).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H:

- Cụ Nguyễn Trường T, sinh năm 1944; nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (bố ông H1).

- Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu 1, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vợ ông H1).

- Anh Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1996; nơi cư trú: Khu 1, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (con ông H1).

- Anh Nguyễn Việt A, sinh năm 2003; nơi cư trú: Khu 1, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (con ông H1).

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Việt A và Người đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Trường T và anh Nguyễn Thanh H2: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu 1, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2019 và các lời khai tiếp theo Người đại diện hợp pháp của nguY đơn trình bày:

Ngày 31/3/2011, ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị Y với Quỹ tín dụng Trung ương, chi nhánh Vĩnh Phúc (nay là Ngân hàng H, chi nhánh Vĩnh Phúc; viết tắt Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số 174/2011/HĐTD để ông H vay số tiền là 250.000.000đ; mục đích vay để kinh doanh hàng tạp hóa, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 1,6%/tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông H, bà Y thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất 26b, tờ bản đồ số 34, diện tích 276m² thuộc khu TQ, thị trấn G, Huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (đã được UBND Hện B, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB951351 ngày 12/7/2010 mang tên hộ ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Y) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 174/HĐTC ngày 31 tháng 3 năm 2011, được công chứng tại Văn phòng công chứng AM ngày 31/3/2011 và đăng ký giao dịch bảo đảm Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Hện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Y và ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng. Tính đến hết ngày 20/5/2019 dư nợ khoản vay của ông H, bà Y là 602.631.500đ (trong đó: tiền gốc là 250.000.000đ, tiền lãi là 352.631.300đ). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh ông H1 đã chết năm 2016. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Y thanh toán toàn bộ các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi theo Hợp đồng tín dụng số 174/2011/HĐTD ngày 31/3/2011, cụ thể: Nợ gốc: 250.000.000đ; lãi suất tính đến ngày 18/11/2019 là 373.106.300đ (trong đó: lãi trong hạn là 250.254.200đ; lãi quá hạn là 122.852.100đ). Trường hợp bà Y không thanh toán thì đề nghị Tòa án xử lý, phát mại toàn bộ tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp sau khi thu nợ từ xử lý phát mại các tài sản bảo đảm nêu trên nhưng chưa thu hồi đủ toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi theo quy định thì đề nghị Tòa án buộc bà Y phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Quá trình giải quyết tại Biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn là bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà đồng ý với phần trình bày của đại diện Ngân hàng về quá trình vay vốn, thế chấp tài sản đảm bảo, quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ và số nợ còn lại như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Đến hết ngày 20/5/2019 dư nợ khoản vay của vợ chồng bà tại Ngân hàng là 602.631.500đ (trong đó: tiền gốc là 250.000.000đ, tiền lãi là 352.631.300đ). Ngân hàng yêu cầu bà thanh toán toàn bộ số nợ trên cùng các khoản lãi, phí phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc, lãi bà đồng ý sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên do ông H1 chết năm 2016 hàng thừa kế của ông H gồm có cụ Nguyễn Trường T (bố đẻ); bà và 02 con bà là Nguyễn Thanh H2 và Nguyễn Việt A nên điều kiện kinh tế khó khăn vì vậy bà đề nghị Ngân

hàng tạo điều kiện về thời gian đồng thời miễn khoản tiền lãi cho bà. Trường hợp bà không trả nợ được cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Cụ Nguyễn Trường T và người đại diện theo ủy quyền của cụ T là bà Nguyễn Thị Y trình bày: Cụ là bố đẻ của ông H1. Năm 2016, ông H1 chết không để lại di chúc. Trước đó, ông H1 và bà Y có tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa đất 26b, tờ bản đồ số 34, diện tích 276m² thuộc khu TQ, thị trấn G, Hện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Thửa đất đã được UBND Hện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB951351 ngày 12/7/2010 mang tên hộ ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị Y. Ông H1, bà Y đã dùng tài sản này để thế chấp vay Quỹ tín dụng Trung ương, chi nhánh Vĩnh Phúc (nay là Ngân hàng H - chi nhánh Vĩnh Phúc) số tiền gốc là 250.000.000đ. Trong quá trình vay nợ, ông H, bà Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện thì cụ đề nghị bà Y là người có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bà Y không thanh toán được thì cụ đồng ý phát mại tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Anh Nguyễn Thanh H2 và người đại diện theo ủy quyền của anh H2 là bà Nguyễn Thị Y trình bày: Anh là con của ông H1, bà Y. Bố anh chết năm 2016 và không để lại di chúc. Năm 2011 bố mẹ anh có vay vốn của Ngân hàng, do lúc này anh còn nhỏ không biết gì về sự việc này và không liên quan đến khoản vay. Nay Ngân hàng khởi kiện thì anh mới biết bố mẹ anh còn nợ Ngân hàng 250.000.000đ tiền gốc và lãi suất. Anh là người thừa kế của ông H1 nhưng không biết, không được sử dụng nên anh đề nghị mẹ anh là người có trách nhiệm trả nợ trên. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh đề nghị Ngân hàng miễn lãi cho mẹ anh và anh không đồng ý phát mại tài sản thế chấp.

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Việt A trình bày: Anh A là con của ông H1, bà Y. Bố anh chết năm 2016 và không để lại di chúc. Năm 2011 bố mẹ anh có vay vốn của Ngân hàng, do lúc này anh còn nhỏ không biết gì về sự việc này và không liên quan đến khoản vay. Nay Ngân hàng khởi kiện thì anh mới biết bố mẹ anh còn nợ ngân hàng 250.000.000đ tiền gốc và lãi suất. Anh là người thừa kế của ông H nhưng không biết, không được sử dụng nên anh đề nghị mẹ anh là người có trách nhiệm trả nợ trên. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh đề nghị Ngân hàng miễn lãi cho mẹ anh và anh không đồng ý phát mại tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 94, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 299, 317, 318, 319, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; buộc bà Nguyễn Thị Y trả cho Ngân hàng số tiền 623.106.300đ (trong đó: tiền gốc là 250.000.000đ; tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 373.106.300đ). Trường hợp bà Y không thanh toán được toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng được đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ thì bà Y vẫn phải trả số tiền còn lại theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Bà Y phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1, bà Y phải thanh toán số nợ và xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản nên được xác định là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bị đơn là ông H1 đã chết nên đưa người thừa kế theo pháp luật của ông H1 tham gia tố tụng với tư cách người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H1. Bị đơn là bà Y và người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu của đương sự:

Đại diện Ngân hàng xác định ngày 31/3/2011, ông Nguyễn Đức H1 và bà Nguyễn Thị Y với Quỹ tín dụng trung ương, chi nhánh Vĩnh Phúc (nay là Ngân hàng H - chi nhánh Vĩnh Phúc) ký hợp đồng tín dụng số 174/2011/HĐTD để vay số tiền là 250.000.000đ; mục đích vay để kinh doanh hàng tạp hóa, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 1,6%/tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông H, bà Y đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất 26b, tờ bản đồ số 34, diện tích 276m² thuộc khu TQ, thị trấn G, Hện B, tỉnh Vĩnh Phúc và được UBND Hện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB951351 ngày 12/7/2010 mang tên hộ ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị Y. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 174/HĐTC ngày 31 tháng 3 năm 2011, được Văn phòng công chứng AM công chứng ngày 31/3/2011 và đăng ký giao dịch bảo đảm. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Y và ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng. Nay Ngân hàng đề nghị bà Y có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 18/11/2019 là 623.106.300đ (trong đó: tiền gốc là 250.000.000đ; tiền lãi 373.106.300đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/11/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bà Y và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H1 đều thừa nhận việc vay vốn và thế chấp tài sản của ông H1, bà Y và việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán như Ngân hàng trình bày là đúng. Bà Y và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H1 cùng thống nhất bà Y người trả toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng là phù hợp với yêu cầu của Ngân hàng nên cần chấp nhận. Việc bà Y đề nghị cho được trả 250.000.000đ tiền gốc và cho miễn toàn bộ lãi suất nhưng Ngân hàng không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Ngân hàng nếu bà Y không trả được số tiền còn nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ Hội đồng xét xử thấy rằng: Để bảo đảm cho khoản vay trên ông H, bà Y đã thế chấp tài sản quyền sử dụng đất thửa đất 26b, tờ bản đồ số 34, diện tích 276m² thuộc khu TQ, thị trấn G, Hện B, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên hộ ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị Y. Qua xác minh, tài sản thế chấp là thuộc quyền sở hữu của ông H1 và bà Y. Ông H1, bà Y tự nguyện ký hợp đồng thế chấp tài sản

để vay vốn kinh doanh nên phải chịu trách nhiệm. Việc đề nghị không đồng ý xử lý tài sản thế chấp là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Trường hợp số tiền xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì bà Y vẫn tiếp tục phải trả tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền nợ.

[5] Về án phí: Ngân hàng không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bà Y phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 94, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 299, 317, 318, 319, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H.

Buộc bà Nguyễn Thị Y trả cho Ngân hàng H số tiền 623.106.300đ (trong đó: tiền gốc là 250.000.000đ; tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 373.106.300đ).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 174/2011/HĐTD ngày 31/3/2011 cho đến khi thanh toán xong.

[3] Trường hợp bà Nguyễn Thị Y không thanh toán được toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng được đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 276m², thửa đất 26b, tờ bản đồ 34, thuộc Khu TQ, thị trấn G, Hện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã được UBND Hện B, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB951351 ngày 12/7/2010 đứng tên hộ ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị Y để thu hồi nợ.

Nếu số tiền xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng thì bà Nguyễn Thị Y vẫn phải trả số tiền còn lại theo hợp đồng tín dụng số: 174/2011/HĐTD ngày 31/3/2011 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ.

[4] “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

[5] Về án phí: Ngân hàng H không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng H 14.052.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0004468 ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 28.924.000đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[6] Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuY án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Mẫu Văn Mùi